

Bản án số: 15/2020/HSST
Ngày 03 - 02 -2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Tiến Thành

2. Ông Nguyễn Đức Đẹp

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Lãm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự, thụ lý 16/2020/HSST ngày 13 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXX –HS ngày 17/01/2020 đối với:

Bị cáo Trần Trung T, sinh năm 1994 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn D2, thị trấn K, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Mộng T và bà Phan Thị L; có vợ là Nguyễn Vĩnh H; tiền sự, tiền án: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/8/2019 và bị tạm giam ngày 27/8/2019 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Đỗ Thị H; nơi cư trú: đường N, quận B, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị L. Địa chỉ: Thôn D2, thị trấn D, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

2. Bà Nguyễn Vĩnh H. Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin vắng mặt.

3. Anh Lê Huỳnh Th. Địa chỉ: đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa truy tố về các hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ 14 phút, ngày 21 tháng 8 năm 2019, Trần Trung T điều khiển xe máy hiệu Honda Vario, màu đỏ, biển kiểm soát 79D1 - 664... đi tìm người sơ hở để cướp giật tài sản. Khi đến trước Khách sạn H, số 03 đường N, phường L, thành phố N, thì T phát hiện bà Đỗ Thị H đang đi bộ trên vỉa hè, trên vai có đeo 01 giỏ xách màu đen (bên trong có: 01 điện thoại hiệu Oppo A3S màu đen - 16 G, 11.854.000 đồng, 02 thẻ phòng khách sạn, 01 kính đeo mắt) nên nảy sinh ý định cướp giật tài sản để có tiền tiêu dùng cá nhân.

Trần Trung T liền điều khiển xe máy đi lên vỉa hè, áp sát từ phía sau, dùng tay trái giật lấy giỏ xách của bà H rồi bỏ chạy đến khu vực Cầu Sắt thuộc phường V, thành phố N, lục giỏ xách bên trong lấy 01 điện thoại Oppo, 11.854.000 đồng tiền mặt rồi vứt giỏ xách cùng các giấy tờ xuống khu vực chân cầu. Sau đó, T mang chiếc điện thoại vừa cướp giật được đến cửa hàng điện thoại S tại địa chỉ đường T, phường L, thành phố N để mở khóa, còn tiền mặt đem đi tiêu dùng cá nhân.

Đến ngày 24 tháng 8 năm 2019, qua trích xuất camera an ninh, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố N đã đưa Trần Trung T về làm việc. Tại Cơ quan công an, Trần Trung T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thu giữ trên người T 3.400.000 đồng (T khai nhận đây là số tiền cướp giật mà có, còn lại sau khi tiêu dùng cá nhân). Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nha Trang đã dẫn giải đối tượng đến cửa hàng điện thoại S thu giữ được 01 điện thoại hiệu Oppo A3S màu đen - 16 G do T cướp giật được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 648/HĐĐG ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng Hình sự, kết luận: Điện thoại hiệu Oppo A3S - 16 G trị giá: 1.600.000 đồng (Giỏ xách, kính lão: không đủ thông tin để định giá). Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 13.454.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSNT ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Trần Trung T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung đã truy tố đối với bị cáo Trần Trung T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án tù từ 03 năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Về phần dân sự, bị hại đã nhận được tài sản và không yêu cầu gì nên không xét, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xét; xử lý vật chứng theo quy định; tuyên quyền kháng cáo và án phí theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Trung T thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện, tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người bị hại bà Đỗ Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Vĩnh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Huỳnh Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ Điều 292 và 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Trần Trung T khai nhận: Do cần tiền để tiêu xài cá nhân, nên T sử dụng xe máy đi tìm người sơ hở để cướp giật tài sản, vào lúc 11 giờ 14 phút ngày 21/8/2019, T đã phát hiện bà Đỗ Thị H đang đi bộ trước khu vực khách sạn H, đường N, thành phố N cùng với chồng và con bà H, trên vai có đeo một túi xách, T đã nhanh chóng điều khiển xe máy áp sát và giật túi xách của bà H rồi nhanh chóng tẩu thoát. Tài sản T cướp giật được của bà H có giá trị là 13.454.000 đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, băng hình camera trích xuất ghi lại hành vi phạm tội, Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phân xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 32/CT-VKSNT ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang truy tố bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo sử dụng xe máy là nguồn nguy hiểm cao độ, chạy với tốc độ cao và áp sát vào bị hại để cướp giật tài sản là thuộc tình tiết định khung hình phạt “dùng thủ đoạn nguy hiểm” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang truy tố bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, về nhân thân và các tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, mất an ninh, trật tự tại địa phương. Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo còn ảnh hưởng đến hình ảnh và con người thân thiện của thành

phổ du lịch N đối với du khách. Do vậy, cần có một mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng nhận thấy: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là nhân dân lao động, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, để thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình, làm lại cuộc đời, hòa nhập với cộng đồng và xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

+ Người bị hại bà Đỗ Thị H đã được bồi thường thiệt hại và đã nhận lại tài sản của mình, đồng thời bà H không còn yêu cầu gì về phần dân sự (BL12), nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị L. Bà L là mẹ của bị cáo, sau khi bị cáo phạm tội, bà L đã dùng 8.600.000 đồng để bồi thường cho bị hại thay cho bị cáo. Tại phiên tòa, bà L không yêu cầu bị cáo phải trả lại, nên Hội đồng xét xử không xét.

+ Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Vĩnh H, chị H là vợ của bị cáo, chị H cho bị cáo mượn chiếc xe máy Honda, biển số 79D1 - 664..., chị H không biết bị cáo dùng xe để cướp giật tài sản. Sau khi bị cáo phạm tội, chị đã được cơ quan điều tra Công an thành phố N cho nhận lại xe, tại phiên tòa chị H có đơn vắng mặt, nhưng tài sản chị đã được nhận. Do đó, về phần dân sự, Hội đồng xét xử không xét.

+ Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Huỳnh Th, anh Th là người đã nhận làm dịch vụ mở khóa chiếc điện bị cáo cướp giật của bị hại, anh Th không biết điện thoại của bị cáo là do phạm tội mà có. Sau khi biết chiếc điện thoại là vật chứng của vụ án, anh Th đã lại cho cơ quan công an, về phần dân sự, anh Th không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Một mũ lưỡi trai, một mũ bảo hiểm, một áo thun dài tay màu đen, một đôi dép xỏ ngón, tất cả là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội. Do vậy, trả lại các vật chứng nói trên cho bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Trung T phạm tội “Cướp giật tài sản”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Trung T **03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét trách nhiệm dân sự đối với bà Đỗ Thị H, bà Phan Thị L, chị Nguyễn Vĩnh H và anh Lê Huỳnh Th.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo một mũ lưỡi trai, một mũ bảo hiểm, một áo thun dài tay màu đen, một đôi dép xỏ ngón (vật chứng trả lại cho bị cáo theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20 tháng 01 năm 2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Nha Trang với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang).

4. Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- Công an thành phố Nha Trang;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS. TP. Nha Trang;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phan Thanh Tùng